TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Luận giải "nghiệp và tái sinh" qua Milinda vấn đạo

ISSN: 2734-9195 16:20 08/04/2024

Nghiệp là nhân đưa đến các tầng bậc tái sinh. Khi hiểu rõ tiến trình này, mỗi người sẽ có trách nhiệm với mọi hành vi, ý thức của mình...

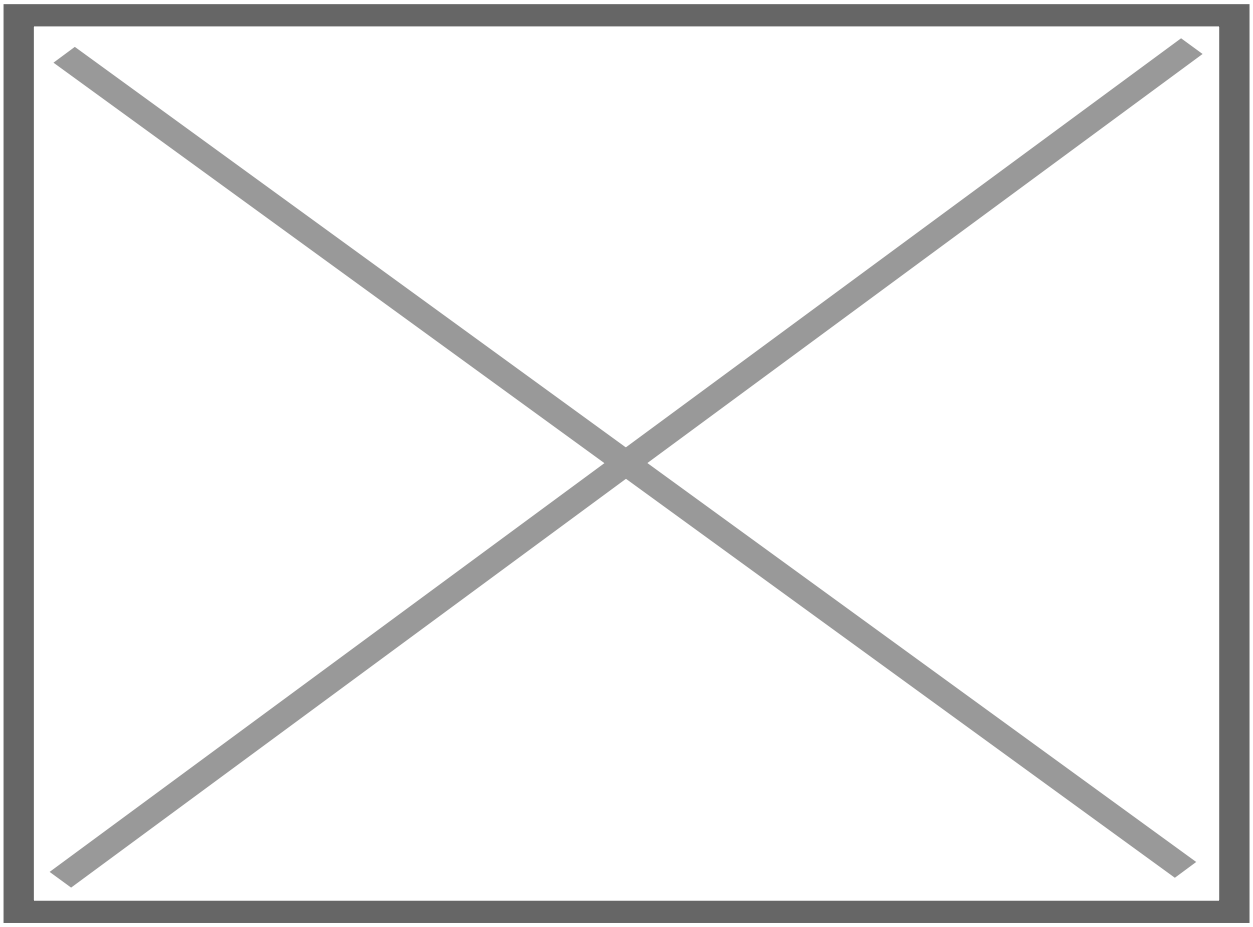
> **Nghiệp là nhân đưa đến các tầng bậc tái sinh. Khi hiểu rõ tiến trình này, mỗi người sẽ có trách nhiệm với mọi hành vi, ý thức của mình vì nó tác động tới quả tương lai, giá trị đạo đức ngay hiện tại và sự phát triển nhân văn của xã hội, như đức Phật từng dạy *"Y vào ngiệp mà chịu duyên báo, thiện, ác đều có quả của nó."***

Tác giả: **Thích Đàm Uyên** *Học viên thạc sĩ Phật học khóa 3, Học viên Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội*

Tóm tắt: Có nhiều quan điểm về nghiệp, tái sinh ở các trường phái tôn giáo khác nhau. Tuy nhiên, trên tinh thần Phật giáo và thông qua bản Milinda Vấn Đạo thuộc tiểu bộ kinh được ghi chép sau khi đức Phật nhập diệt khoảng 500 năm, bản kinh này hay cũng được xem là bản luận gồm nhiều câu vấn đáp giữa nhà vua Milinda và tỳ kheo Na Tiên (Nagasena) đã có nhiều góc độ giúp hành giả rõ hơn sự liên hệ và bản chất của nghiệp và tái sinh.

Bản kinh này giữ được nét nguyên sơ thời nguyên thủy và mầm mống cho tư tưởng đại thừa, được các hệ phái chấp nhận.

Từ khóa: nghiệp, tái sinh, Milinda Vấn Đạo, Mi Tiên Vấn Đáp, Kinh Mi Tiên, Tỳ kheo Na Tiên



Mở đề

Mặc dù niềm tin vào nghiệp và tái sinh là phổ biến trong thời đức Phật, như một phần của Brahmanism (Bà La Môn) và Jainism (Kỳ Na Giáo), nhưng chúng không có sự thống nhất chung vì Ājīvikas (trường phái không chính thống) tin vào sự tái sinh được thúc đẩy bởi một năng lực siêu hình (yếu tố khách quan, năng lực siêu nhiên) của số phận (định mệnh), thay vì nghiệp cá nhân; những người theo chủ nghĩa vật chất (duy vật) phủ nhận nghiệp và tái sinh; và những hoài nghi không có cơ sở để khẳng định hoặc phủ nhận chúng.

Quan niệm về nghiệp và tái sinh là một chủ đề chính trong đạo Phật, nhưng đức Phật có sự nhận thức về quan niệm nghiệp và tái sinh dựa trên sự tu tập thiền định, không chỉ là môi trường văn hóa đã có sẵn từ trước.

1. Sự liên hệ giữa nghiệp và tái sinh

Đức Phật được nói rằng những điều mà ngài đã thấy rõ về chúng trong đêm mà ngài đã giác ngộ.

Trong cảnh giới đại định, tịch tịnh, chính niệm và sự thấy biết thông suốt, ngài đã chứng tam minh *“ba tầng trí tuệ siêu việt”*: có năng lực nhớ đến vô số kiếp

sống của ngài trong nhiều kiếp quá khứ; thấy rõ sự tái sinh của người khác tương ứng với những nghiệp mà họ đã gây tạo và sự dứt trừ (đoạn tận) những lậu hoặc ăn sâu vào trong tâm thức khiến tâm trí không nhận thức được, bị u mê và bị ràng buộc của những luân hồi sinh tử, để đạt được Vô Sinh, Niết-bàn (Pāli nibbāna) .

Quá trình sinh khởi bắt nguồn từ khi thụ thai và "*Sự nhập vào bào thai của chúng sinh là do bốn tác động: Do tác động của nghiệp, do tác động của nguồn gốc, do tác động của chủng loại, do tác động của sự thỉnh cầu. Hơn nữa, tất cả chúng sinh này do có sự tạo thành do nghiệp, có sự sinh lên do nghiệp.*

Tâu đại vương, sự nhập vào bào thai của chúng sinh do tác động của nghiệp là như thế nào? Tâu đại vương, các chúng sinh có thiện căn dồi dào sinh lên theo như ước muốn ở gia tộc Sát Đế Lỵ giàu có, hoặc ở gia tộc Bà La Môn giàu có, hoặc ở người tại gia giàu có, hoặc ở giữa chư thiên, hoặc từ nguồn gốc thấp noãn sinh, hoặc từ nguồn gốc thai sinh, hoặc từ nguồn gốc thấp sinh, hoặc tư nguồn gốc hóa sinh."

Ở nơi nghiệp báo mà con người thụ thai, sinh ra ở nhiều cảnh giới khác nhau. Cũng như sự sinh ra là hiện hữu, giải thoát là vô hữu:

"Tâu đại vương, các hành quá khứ, đã qua khỏi, bị hoại diệt, bị biến đổi, loại hành trình ấy không hiện hữu. Các pháp tạo quả và các pháp có nhân tạo quả, chúng ban cho sự đi tái sinh ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sinh chết đi rồi sinh lên ở nơi khác, loại hành trình ấy là hiện hữu. Các chúng sinh chết đi rồi không sinh lên ở nơi khác, các loại hành trình ấy là không hiện hữu. Và các chúng sinh nào viên tịch, niết bàn, loại hành trình ấy là không hiện hữu, là sự viên tịch Niết Bàn."

Sự tái sinh của chúng sinh tùy theo tính chất (năng lực) của những hành động mà họ đã gây tạo - những hành động thiện sẽ liên quan những kiếp tái sinh tốt đẹp hơn và những hành động bất thiện sẽ đưa đến những kiếp tái sinh không được an vui - điều đó cho thấy rằng chúng sinh luân chuyển trong nhiều cảnh giới luân hồi này, trải qua sự hóa già, bệnh tật, cái chết và nhiều hình thức khác của khổ đau, những nỗi đau về thể xác và tinh thần, dù thô hay vi tế, đặc biệt khi có phản ứng với chúng thì sẽ nắm giữ hay ghét bỏ nó.

Ví dụ như: "*Ở tình trạng không có chốn nương nhờ, không ít sầu bệnh, có cảnh giới tái sinh tận sau cùng, chốn đến kế tiếp toàn là sầu muộn, có sự đốt cháy và chói sáng nóng bức, mãnh liệt, dữ tợn, và thô tháo, có các âm thanh ồn ào của tiếng gào thét gây ra sự khiếp đảm và sợ hãi, bị bao vây bởi màng lưới lửa sáu màu kết lại với nhau, với cường độ của ngọn lửa tỏa nóng đến một trăm do tuần*

ở xung quanh, trong khi nói đến đại địa ngục cùng cực, nóng bức, có phải họ sợ hãi sự chết? Tâu đại vương, đúng vậy."

Và "*Tâu đại vương, cái sự chết này là cơ sở đem lại sự run sợ cho những người chưa tìm thấy sự thật; hạng người này run sợ và bị kích động về việc này. ... Tâu đại vương, việc chúng sinh còn phiền não run sợ, sợ hãi sự chết, điều ấy là quyền lực của thực chất và bản thể của sự chết. Tâu đại vương, mặc dầu có mong muốn được giải thoát, chúng sinh địa ngục cũng run sợ sự chết.*"

Trong khi tham ái và vô minh sẽ định đoạt một người nào đó có tái sinh hay không thì bên cạnh đó để một người có thể biết được kiếp tái sinh của bản thân như thế nào còn tùy thuộc vào nghiệp của họ đã gây tạo và những hành động có chủ tâm (tác ý) của họ. Cho dù hành động tốt hay xấu, những vấn đề đó chứa đựng trong tạng thức (cũng để lại những dấu vết trong tâm thức), từ đó hình thành nên những tính cách, những viễn cảnh cuộc sống và sự tái sinh trong tương lai.

Do ảnh hưởng của nghiệp, danh sắc đi tái sinh nhưng cái đi tái sinh phát khởi từ cái cũ nhưng không giống cái cũ: "*Thưa ngài Nagasena, ai đi tái sinh? Vị trưởng lão đã nói rằng: Tâu đại vương, danh sắc đi tái sinh. Có phải chính danh sắc này đi tái sinh? Tâu đại vương, không phải chính danh sắc này đi tái sinh.*

Tâu đại vương, tuy nhiên con người tạo nghiệp thiện hoặc ác với danh sắc này, do nghiệp ấy mà danh sắc khác đi tái sinh. Nếu không đi tái sinh thì có thể thoát khỏi các nghiệp ác. Tâu đại vương, và chính vì đi tái sinh mà không được thoát khỏi các nghiệp ác." "*Tâu đại vương, tương tự y như thế, cho dầu danh sắc cận tử là khác, danh sắc trong sự đi tái sinh là khác, tuy nhiên danh sắc ấy đã phát khởi chính từ đó. Vì thế không được thoát khỏi các nghiệp ác.*"

Đối với đức Phật (dạy rằng), những hành động mẫu mực (đúng đắn) thuộc về chánh kiến hữu lậu sẽ đưa đến những vận mệnh (số phận) tốt trong luân hồi sinh tử (chu kì tái sinh): "*Những chúng sinh nào có suy tư, tất cả các hạng ấy là sinh ra do nghiệp. Lửa và tất cả các thứ được sinh ra từ hạt giống là sinh ra do nhân. Trái đất, núi, nước, và gió, tất cả các thứ ấy là sinh ra do mùa tiết. Hư không và niết bàn, đây là hai thứ không sinh ra do nghiệp, không sinh ra do nhân, không sinh ra do mùa tiết.*"

Vì không có hỗ trợ từ trí tuệ giải thoát thế gian; đó là: sự bố thí, sự cúng dường, những việc làm tế tự [là những việc làm đúng đắn, xứng đáng]; những nhân và quả của hành động thiện nghiệp và ác nghiệp; đời này, đời khác [đời này không phải là hư ảo và con người chỉ tái sinh ở đời khác sau khi thân hoại mạng chung chính là mẹ, là cha [tức là hiếu kính với cha mẹ, người cho ta hình hài trên cuộc

đời này].

Có những loại hóa sinh [có những loại tái sinh như ở trên cõi trời, trong đó chúng sinh xuất hiện không cần đầu thai của cha mẹ]; trong đời này có những người xuất gia và Bà La Môn sống chân chính (chính hướng), thực hành đúng đắn (chính hạnh) và những ai tuyên bố bằng sự chứng đạt trí tuệ cao hơn của chính họ trong kiếp sống này và kiếp sống về sau. Phủ nhận những điều đó chính là nhận thức của chúng ta đang rơi vào tà kiến.

"*Những người bị tàn tạ bởi tác động của tuổi già rồi chết, chính những người ấy chết đúng thời. Số còn lại, những ai đó bị thúc bách bởi nghiệp rồi chết, những ai đó bị thúc bách bởi cảnh giới tái sinh rồi chết, những ai đó bị thúc bách bởi hành động rồi chết (những người này chết không đúng thời).*"

Và "*Người nhập thai ở bụng mẹ rồi chết, vì thời điểm ấy là thuộc về người ấy nên người ấy chết cũng đúng thời. Người được sinh ra ở nhà bảo sinh rồi chết, vì thời điểm ấy là thuộc về người ấy nên người ấy chết cũng đúng thời.... không có cái chết gọi là không đúng thời. Những ai đó chết đi, tất cả những người ấy đều chết đúng thời.*"

2. Bản chất của nghiệp đi đến tái sinh

Sự hiểu biết và cải thiện nghiệp lực hay hành động của một người nhằm giúp một người: sống hạnh phúc hơn trong cuộc sống hiện tại; tránh sinh về cõi xấu và sinh về cõi thiện, bản thân nó hạnh phúc hơn và có nhiều cơ hội hơn để phát triển tâm linh; và phát triển loại hành vi tinh thần dựa trên trí tuệ có thể cắt đứt luân hồi.

Trong tất cả những điều này, đạo đức là trung tâm. Đối với Đức Phật, phẩm chất đạo đức thúc đẩy hành động, là chìa khóa để có quả tốt hay xấu, thay vì sự phù hợp của nó với các chuẩn mực nghi lễ hoặc giai cấp, như trong Brahmanism (Bà La Môn giáo) nghi lễ chỉ hữu ích nếu nó giúp phát triển các thiện tâm được tăng trưởng; do đó kỹ thuật và đạo đức Phật giáo là một chuẩn mực.

Hơn nữa, trái ngược với Jains (đạo Kỳ Na giáo), đức Phật thấy nghiệp về cơ bản nghiệp chính là tâm thức. Đó là hoạt động hoặc ý thức tự nguyện sau một hành động: *"Đó là ý nghiệp (cetanā), Hỡi các tỳ khưu, nghiệp là: hành động thông qua thân thể (thân nghiệp), lời nói (khẩu nghiệp) hay tâm trí (ý nghiệp)"* . Ngay cả khi nghĩ đến việc thực hiện một số hành vi xấu cũng là một nghiệp xấu (tinh thần), đặc biệt là khi người ta cung cấp năng lượng cho một ý nghĩ như vậy, thay vì chỉ để cho nó trôi qua.

Cố tình buông bỏ một ý nghĩ xấu như vậy là một nghiệp tốt về mặt tinh thần. Thay đổi tâm lý đằng sau một hành động là 'nghiệp', sau đó đặt ra một chuỗi nguyên nhân lên đến đỉnh điểm trong một kết quả nghiệp dễ chịu hoặc khó chịu. Hành động phải có chủ ý nếu chúng tạo ra kết quả nghiệp (quả dị thục): vô tình giẫm đạp lên côn trùng không phải là cố ý tạo tác, giống như quan điểm của Jains (Kỳ Na giáo).

Một hành động xấu được xem là có kết quả xấu, tức là nghiệp lực khó chịu (sự không thuận lợi, không an vui) khi chín muồi sẽ tạo ra các hoạt động của lời nói, tâm trí khiến thân thể đau khổ, dẫn tới tái sinh trong thế giới phiền não như địa ngục với tiếp xúc, cảm xúc đau đớn. Các hành động xấu như giết người, ăn cắp, hành vi sai trái tình dục, nói dối và uống chất say cũng gây khổ.

Điều này làm rõ rằng mặc dù bản chất của nghiệp tương ứng với bản chất của hành động, nhưng nó không xác định bản chất của nó. Một hành động 'xấu' không được tính là xấu chỉ vì nó có kết quả nghiệp xấu; đúng hơn, nó có một kết quả xấu bởi vì bản thân nó là xấu: gây ra đau khổ ở đây và bây giờ. Việc nó có kết quả nghiệp xấu là một dấu hiệu của bản chất không tốt, đau khổ, không lành mạnh, nhưng không phải là tiêu chí cho nó không tốt ngay từ đầu.

Tuy nhiên, các phân đoạn khác hầu như không bỏ qua việc đề cập đến kết quả nghiệp, dưới hình thức những kinh nghiệm lành hoặc ác, có lẽ là các yếu tố thúc đẩy hoặc hạ thấp bổ sung cho các hành động, và tất nhiên là quan tâm đến tác động ngay lập tức (phi nghiệp lực) của hành động đối với cả người khác và chính mình.

Như vậy, chúng ta nên tránh những hành động bị chỉ trích (phê bình) và hành thiện nghiệp: được thể hiện qua trí tuệ và do đó 'khéo léo' trong việc tạo ra một trạng thái tinh thần nâng cao trong con người thực hành, hoặc lành mạnh ở chỗ nó liên quan đến một trạng thái lành của tâm trí. Các tiêu chí chính cho một hành động không lành mạnh là nó có lợi cho bản thân, hại cho người khác, hoặc của cả hai và nó là phá hoại trí tuệ trực quan (tuệ giác), liên quan đến đau khổ, không có lợi cho giải thoát.

Tương ứng, một hành động lành mạnh không gây tác hại nào như vậy, mà còn có lợi cho sự phát triển của các tâm trạng lành mạnh. Tác hại đối với bản thân có liên quan ở đây là tổn hại tinh thần, hoặc tổn hại vật chất nếu điều này phát sinh từ lòng căm thù bản thân. Ở các khía cạnh khác, một hành động mang lại lợi ích cho người khác với việc gây hại vật chất cho bản thân chắc chắn không phải là xấu.

Do đó, người ta nên tránh các hành động tham và có hại (sandosa-vyāpatti) của ý chí không lành với hậu quả đau đớn, hệ quả trong đau khổ (dukkha-vipākā), và thực hiện hành động có lợi của ý chí thiện, với kết quả hạnh phúc, thành thục trong hạnh phúc.

Khi nào, bạn bè, một đệ tử thông hiểu được điều không lành mạnh và bản nguyên của điều không độc hại, người lành và gốc của toàn bộ - một số người, theo cách đó, một trong những quan điểm đúng đắn, có quan điểm thẳng thắn, người hoàn toàn tin tưởng vào giáo Pháp và đã thực hiện Pháp này. Và những gì là không bất lợi?

Sát sinh là điều không lành; lấy những gì không được đưa (trộm) là không lành mạnh; dâm dục là không lành mạnh; lời nói sai sự thật (vọng ngữ) là không lành mạnh; lời nói gây chia rẽ (nói đâm thọc, nói đôi chiều) là không lành mạnh; lời nói khắc nghiệt (ác khẩu) là không lành mạnh; trò chuyện phù phiếm (thêu dệt) là không lành mạnh; tham lam là không tốt, ác ý là không lành mạnh; tà kiến (ác kiến) là xấu. Điều này được gọi là bất thiện.

Căn nguyên của những điều không lành mạnh là gì? Tham lam là một nguồn gốc của những kẻ bất thiện; lòng căm thù là gốc rễ của những điều không lành; vọng tưởng là một gốc rễ của bất thiện. Điều này được gọi là gốc rễ của nghiệp bất thiện.

Điều gì là lành mạnh? Ngược lại việc bất thiện trên được gọi là thiện. Và gốc rễ của nghiệp thiện là gì? Không tham lam là gốc rễ của nghiệp thiện; không sân hận là gốc rễ của thiện; không vọng tưởng là một gốc rễ của thiện. Điều này được gọi là gốc rễ của nghiệp thiện.

Điều bất thiện được giải thích là bao gồm các hành động cụ thể của thân và khẩu được công nhận là có hại cho người khác, cộng với các trạng thái tinh thần có khả năng dẫn đến những hành vi có hại sau này. Lòng tham, sân hận và vọng tưởng được trình bày ở đây là nguyên nhân bên trong của những điều bất thiện, mặc dù không phải là tiêu chí để minh chứng cho một số điều là bất thiện. Tuy nhiên, chúng không đáng sợ.

Liên quan đến bản chất của lòng tham, sân hận và vọng tưởng:

(1) lòng tham (lobha) bao gồm một loạt các trạng thái từ khao khát nhẹ nhàng đến dục vọng toàn diện, sự hám lợi, tìm kiếm danh tiếng và giáo điều bám vào ý tưởng; (2) lòng sân hận bao gồm sự khó chịu nhẹ thông qua sự tức giận và oán giận cháy bỏng; và (3) vọng tưởng được thể hiện trong sự ngu ngốc, rối loạn, hoang mang, tâm trạng buồn chán, nhận thức sai lầm ăn sâu vào, nghi

ngờ, suy đoán về các vấn đề đạo đức và tâm linh, và quay lưng lại với thực tại bằng cách che đậy nó khỏi chính mình.

Đối lập với những điều này: (1) không tham lam (alobha) bao gồm các trạng thái từ những tác động phóng khoáng cho đến một sự thúc đẩy mạnh mẽ để từ bỏ những thú vui thế gian; (2) không sân hận (adosa) bao gồm sự thân thiện cho đến sự chịu đựng khi đối mặt với sự khiêu khích lớn lao, lòng nhân ái và lòng trắc ẩn sâu sắc đối với tất cả chúng sinh; và (3) không vọng tưởng (amoha) bao gồm sự trong sáng của nội tâm cho đến cái nhìn sâu sắc nhất vào thực tại.

Trong khi được diễn đạt tiêu cực, ba điều này không chỉ đơn thuần là thiếu những điều ngược lại cho chúng. Chúng là những trạng thái tích cực dưới hình thức: đối trị tham lam (bố thí và xả ly), đối trị sân hận (từ bi và hỷ xả), và đối trị mê muội (trí tuệ).

Kết luận

Tóm lại, nghiệp là nhân đưa đến các tầng bậc tái sinh. Khi hiểu rõ tiến trình này, mỗi người sẽ có trách nhiệm với mọi hành vi, ý thức của mình vì nó tác động tới quả tương lai, giá trị đạo đức ngay hiện tại và sự phát triển nhân văn của xã hội như đức Phật cũng từng dạy *“Y vào nghiệp mà chịu duyên báo, thiện, ác đều có quả của nó.”*

Tác giả: **Thích Đàm Uyên** *Học viên Thạc sĩ Phật học khóa 3, Học viên Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội*

***

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Doãn Chính (2022), Veda Upanishad những bộ kinh triết lý tôn giáo cổ Ấn Độ, Nxb Chính Trị Quốc Gia Sự Thật.

2. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.70, 71

3. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.74

4. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.77

5. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.207

6. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.238

7. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.239

8. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.433

9. Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.480

10. Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận, Âu Dương Hãn Tồn (Hán dịch), Thích Quảng Độ (việt dịch, 2007)NXB Tôn Giáo, Hà Nội, tr.159.

11. Tăng Chi Bộ Kinh (1929), Anguttara-nikaya, III, 415, ấn bản Colombo, tr. 500

12. Trung bộ kinh bản kinh số 72: Kinh dạy Vacchagotta về lửa. Link: https://suttacentral.net/mn72/vi/minh_chau?lang=en&reference=none&highlight=fal

13. Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn (2009), Đức Phật đã xuất hiện như thế, Nxb Văn Hóa Sài Gòn.

***

CHÚ THÍCH 1.Giới Nghiêm (2010), Mi Tiên Vấn Đáp, Nxb Văn Học, Hà Nội, Lời Nói Đầu, tr.12. 2.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.xx, xxi 3.Tham khảo: Doãn Chính (2022), Veda Upanishad những bộ kinh triết lý tôn giáo cổ Ấn Độ, Nxb Chính Trị Quốc Gia Sự Thật. 4.Tham khảo: Thích Trung Hậu, Thích Hải Ấn (2009), Đức Phật đã xuất hiện như thế, Nxb Văn Hóa Sài Gòn. 5.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.207 6.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.77 7.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.238 8.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.239 9.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.70, 71 10.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.74 11.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.433 12.Tham khảo Trung bộ kinh bản kinh số 72: Kinh dạy Vacchagotta về lửa. 13.Link: https://suttacentral.net/mn72/vi/minh_chau?lang=en&reference=none&highlight=fal 14.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.480

15.Indacanda (2015), Milinda Vấn Đạo, Nxb Tôn Giáo, tr.480

16.Tăng Chi Bộ Kinh (1929), Anguttara-nikaya, III, 415, ấn bản Colombo, tr. 500

17.Nguyên Thủy Phật Giáo Tư Tưởng Luận, Âu Dương Hãn Tồn (Hán dịch), Thích Quảng Độ (việt dịch, 2007)NXB Tôn Giáo, Hà Nội, tr.159.